

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ HỦY HỌC PHẦN DO KHÔNG ĐÓNG HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1	2331320175	Trần Minh	Mộng	Kiều	23ĐHNL03	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3
2	2331320207	Nguyễn Quang	Trung	23ĐHNL04	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3	2331530102	Đào Chiễn	Thắng	23ĐHTĐ02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
4	2331720228	Võ Hoàng	Oanh	23ĐHNA05	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
5	2331320167	Lữ Gia Minh	Ngân	23ĐHNL04	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
6	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
7	2331310353	Lê Đỗ Hoàng	Đông	23ĐHQTC3	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
8	2331510025	Nguyễn Xuân Trung	Hiếu	23ĐHĐT01	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
9	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQTTH2	010100000116	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
10	2331320212	Hà Công	Nam	23ĐHNL04	010100000116	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
11	2331510022	Phan Thị Yến	Nhi	23ĐHĐT01	010100000310	Pháp luật đại cương	2	
12	2331510030	Nguyễn Võ Vĩ	Kha	23ĐHĐT01	010100000310	Pháp luật đại cương	2	
13	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQTC3	010100001305	Pháp luật hàng không	2	
14	2331540168	Hoàng Minh	Tú	23ĐHTT03	010100001305	Pháp luật hàng không	2	
15	2331540168	Hoàng Minh	Tú	23ĐHTT03	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
16	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
17	2331510025	Nguyễn Xuân Trung	Hiếu	23ĐHĐT01	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
18	2331310609	Nguyễn Anh	Quốc	23ĐHQTKQ2	010100001609	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
19	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	23ĐHDL03	010100001609	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
20	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100001609	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
21	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	010100001622	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
22	1931010003	Lê Việt	Anh	19ĐVQT01	010100010409	Kinh tế vi mô	3	
23	2253410355	Ksor H'	Liên	22ĐHQTC2	010100011204	Quản trị dự án	3	
24	2253410355	Ksor H'	Liên	22ĐHQTC2	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
25	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQTC1	010100011903	Quản trị Marketing	3	
26	2331310353	Lê Đỗ Hoàng	Đông	23ĐHQTC3	010100011905	Quản trị Marketing	3	
27	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQTC3	010100011906	Quản trị Marketing	3	
28	2331310609	Nguyễn Anh	Quốc	23ĐHQTKQ2	010100011907	Quản trị Marketing	3	
29	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQTTH2	010100011908	Quản trị Marketing	3	
30	2331310541	Đặng Ngọc	Chinh	23ĐHQTKQ1	010100012002	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
31	2331310609	Nguyễn Anh	Quốc	23ĐHQTKQ2	010100012002	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
32	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQTTH2	010100012004	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
33	2331310353	Lê Đỗ Hoàng	Đông	23ĐHQTC3	010100012009	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
34	2331310544	Nguyễn Hữu	Phúc	23ĐHQTKQ2	010100012009	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
35	2253410355	Ksor H'	Liên	22ĐHQTC2	010100012011	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
36	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQTC3	010100012013	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
37	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQTC1	010100012015	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
38	2253440105	Trần Thị Thảo	Vy	22ĐHNL01	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp	2	
39	2253410355	Ksor H'	Liên	22ĐHQTC2	010100012803	Bảo hiểm hàng không	2	
40	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQTC3	010100014002	Vận tải hàng hóa HK	3	
41	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQTC1	010100014002	Vận tải hàng hóa HK	3	
42	2258130073	Lữ Phương	Lan	22ĐHDL02	010100017101	Quản trị tài chính	3	
43	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính	3	
44	2331310541	Đặng Ngọc	Chinh	23ĐHQTKQ1	010100017102	Quản trị tài chính	3	
45	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQTTH2	010100017105	Quản trị tài chính	3	
46	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQTC1	010100017105	Quản trị tài chính	3	
47	2331320123	Phạm Quốc	Oai	23ĐHNL03	010100017707	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
48	2331320071	Lê Như	Quỳnh	23ĐHNL02	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
49	2331320205	Thái Huỳnh Khánh	Vy	23ĐHNL04	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
50	2253410355	Ksor H'	Liên	22ĐHQTC2	010100017903	Quản trị thương mại Cảng HK	3	
51	2253410355	Ksor H'	Liên	22ĐHQTC2	010100018003	Quy hoạch Cảng HK	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
52	2253410355	Ksor H'	Liên	22ĐHQTC2	010100018502	Marketing Càng hàng không	2	
53	2258130032	Trần Gia	Huy	22ĐHDL01	010100021009	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	
54	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	23ĐHDL03	010100022102	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
55	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100022102	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
56	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	010100022103	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
57	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQTC1	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
58	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQTC3	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
59	2331540168	Hoàng Minh	Tú	23ĐHTT03	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
60	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
61	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
62	2331720297	Nguyễn Thị Bảo	Yến	23ĐHTT06	010100037301	Cơ sở dữ liệu	3	
63	2331540168	Hoàng Minh	Tú	23ĐHTT03	010100037302	Cơ sở dữ liệu	3	
64	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	23ĐHTT01	010100037303	Cơ sở dữ liệu	3	
65	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100052401	Lịch sử Đảng	2	
66	2331720124	Hà Phan Như	Quỳnh	23ĐHNA03	010100052402	Lịch sử Đảng	2	
67	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
68	2258130073	Lữ Phương	Lan	22ĐHDL02	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
69	2331510071	Hoàng Thị Kiều	Trinh	23ĐHĐT01	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
70	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
71	2331320123	Phạm Quốc	Oai	23ĐHNL03	010100058704	Quản trị học (Introduction to Management)	3	
72	2331310541	Đặng Ngọc	Chinh	23ĐHQTKQ1	010100070803	Thương mại điện tử	3	
73	2258130073	Lữ Phương	Lan	22ĐHDL02	010100070804	Thương mại điện tử	3	
74	2331720261	Lê Lưu Kiến	Phúc	23ĐHNA02	010100074617	Triết học Mác Lênin	3	
75	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100084703	Lý thuyết đồ thị	2	
76	2331540106	Lê Hồ Bảo	Châu	23ĐHTT02	010100084705	Lý thuyết đồ thị	2	
77	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100085001	Phân tích và thiết kế thuật giải	2	
78	2254810051	Huỳnh Dương	Phong	22ĐHTT01	010100085701	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
79	2254810051	Huỳnh Dương	Phong	22ĐHTT01	010100086401	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
80	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100086401	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
81	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100086405	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
82	2331540239	Đỗ Huy	Hoàng	23ĐHTT05	010100086405	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
83	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100086701	Máy học	3	
84	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100086802	Lập trình mạng	3	
85	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100086803	Lập trình mạng	3	
86	2254810051	Huỳnh Dương	Phong	22ĐHTT01	010100086901	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
87	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100086903	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
88	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100086903	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
89	2331540239	Đỗ Huy	Hoàng	23ĐHTT05	010100086904	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
90	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100086904	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
91	2254810051	Huỳnh Dương	Phong	22ĐHTT01	010100087202	Lập trình Python	3	
92	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100087205	Lập trình Python	3	
93	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100087205	Lập trình Python	3	
94	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	3	
95	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100092501	Nghe - Nói 4	3	
96	2331720124	Hà Phan Như	Quỳnh	23ĐHNA03	010100092503	Nghe - Nói 4	3	
97	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100092507	Nghe - Nói 4	3	
98	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100092510	Nghe - Nói 4	3	
99	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100093004	Đọc - Viết 4	3	
100	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100093007	Đọc - Viết 4	3	
101	2331720124	Hà Phan Như	Quỳnh	23ĐHNA03	010100093010	Đọc - Viết 4	3	
102	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100093010	Đọc - Viết 4	3	
103	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100093702	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
104	2331720124	Hà Phan Như	Quỳnh	23ĐHNA03	010100093704	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
105	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100093704	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
106	2254810051	Huỳnh Dương	Phong	22ĐHTT01	010100096701	Xây dựng ứng dụng thương mại điện tử	3	
107	2331310593	Nguyễn Trịnh Tường	Vi	23ĐHQTVT1	010100096801	Thực tập nghề nghiệp QTKD	4	
108	1751010305	Võ Thị Thi	Nhân	17ĐHQTVT4	010100098101	Chuyên đề Pháp luật Hàng không	1	
109	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	23ĐHDL03	010100111901	Tiếng Anh 3	3	
110	2253410355	Ksor H'	Liên	22ĐHQTC2	010100111904	Tiếng Anh 3	3	
111	2253440105	Trần Thị Thảo	Vy	22ĐHNL01	010100119701	Quản trị hiệu quả công việc	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
112	2253440105	Trần Thị Thảo	Vy	22ĐHNL01	010100119801	Quản trị giữ chân người lao động	3	
113	2331720124	Hà Phan Như	Quỳnh	23ĐHNA03	010100121504	Biên dịch	2	
114	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100121507	Biên dịch	2	
115	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100121508	Biên dịch	2	
116	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100121508	Biên dịch	2	
117	2258130073	Lữ Phương	Lan	22ĐHDL02	010100123402	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	
118	2258130108	Hứa Hoàng	Hiệp	22ĐHDL01	010100123402	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	
119	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	23ĐHDL03	010100123402	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	
120	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	23ĐHDL03	010100123703	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
121	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100123703	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
122	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	010100123703	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
123	2258130073	Lữ Phương	Lan	22ĐHDL02	010100123802	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	
124	2258130108	Hứa Hoàng	Hiệp	22ĐHDL01	010100123802	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	
125	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100123903	Thực hành nghề nghiệp du lịch 1	4	
126	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	010100123903	Thực hành nghề nghiệp du lịch 1	4	
127	2258130108	Hứa Hoàng	Hiệp	22ĐHDL01	010100124001	Thực hành nghề nghiệp du lịch 2	4	
128	2258130073	Lữ Phương	Lan	22ĐHDL02	010100124002	Thực hành nghề nghiệp du lịch 2	4	
129	2253440105	Trần Thị Thảo	Vy	22ĐHNL01	010100133202	Thương mại điện tử	2	
130	2253440105	Trần Thị Thảo	Vy	22ĐHNL01	010100138802	Bảo hiểm xã hội	3	
131	2258130073	Lữ Phương	Lan	22ĐHDL02	010100138902	Văn hóa ẩm thực	3	
132	2258130108	Hứa Hoàng	Hiệp	22ĐHDL01	010100138903	Văn hóa ẩm thực	3	
133	2253440105	Trần Thị Thảo	Vy	22ĐHNL01	010100139001	Quản trị văn phòng	2	
134	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	010100140702	Lịch sử văn minh thế giới	3	
135	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	23ĐHDL03	010100140703	Lịch sử văn minh thế giới	3	
136	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100140703	Lịch sử văn minh thế giới	3	
137	2258130073	Lữ Phương	Lan	22ĐHDL02	010100141601	Nghệ vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	3	
138	2258130108	Hứa Hoàng	Hiệp	22ĐHDL01	010100141601	Nghệ vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	3	
139	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQTC3	010100149804	Quản trị đa văn hóa	3	
140	2331310609	Nguyễn Anh	Quốc	23ĐHQTKQ2	010100149805	Quản trị đa văn hóa	3	
141	2331310403	Tô Tuyết	Anh	23ĐHQTC3	010100149810	Quản trị đa văn hóa	3	
142	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQTC1	010100149810	Quản trị đa văn hóa	3	
143	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQTT2	010100150701	Kinh doanh quốc tế	3	
144	2331310541	Đặng Ngọc	Chinh	23ĐHQTKQ1	010100150701	Kinh doanh quốc tế	3	
145	2331310609	Nguyễn Anh	Quốc	23ĐHQTKQ2	010100150702	Kinh doanh quốc tế	3	
146	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100152101	Management in Practice 1	1	
147	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100152101	Management in Practice 1	1	
148	2331310542	Nohava	Sarah	23ĐAQT01	010100152602	Principles of Business Statistics	3	
149	2331310542	Nohava	Sarah	23ĐAQT01	010100153301	Strategic Management	3	
150	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100153301	Strategic Management	3	
151	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100153301	Strategic Management	3	
152	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100154901	Logistics & Supply Chain Management	3	
153	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100154901	Logistics & Supply Chain Management	3	
154	2331310542	Nohava	Sarah	23ĐAQT01	010100156201	Airport Operations Management	3	
155	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100156201	Airport Operations Management	3	
156	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100156201	Airport Operations Management	3	
157	2331310542	Nohava	Sarah	23ĐAQT01	010100157301	Air Traffic Services	3	
158	2250000035	Ngô Thị	Hiếu	22ĐHKVKH	010100158101	Quản trị đội tàu bay hãng hàng không	3	
159	2250000035	Ngô Thị	Hiếu	22ĐHKVKH	010100158201	Quản trị doanh thu hãng hàng không	3	
160	2331310542	Nohava	Sarah	23ĐAQT01	010100162301	Air Cargo Management	3	
161	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100162301	Air Cargo Management	3	
162	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100162301	Air Cargo Management	3	
163	1931010015	Lê Văn	Tài	19ĐVQT01	010200014001	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	2	
164	2200000024	Lê Thanh	Tâm	22CĐCK01	010800069401	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - KTHK	3	
165	2341840002	Nguyễn Phan Thanh	Thuận	23CĐCK01	010800069401	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - KTHK	3	
166	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
167	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
168	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQTC1	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
169	2331540257	Bùi Hữu	Trí	23ĐHTT05	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
170	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
171	2331710030	Nguyễn Thành	Doanh	23ĐHKL01	011100002902	Khí tượng hàng không	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
172	2331510025	Nguyễn Xuân	Trung Hiếu	23ĐHĐT01	011100006001	Đồ án môn học 1	2	
173	2331510008	Bùi Lê	Nhật Duy	23ĐHĐT01	011100009101	Linh kiện điện tử	2	
174	2331510058	Lê	Duy Anh	23ĐHĐT01	011100009101	Linh kiện điện tử	2	
175	2331510067	Phạm	Ngọc Tuấn	23ĐHĐT01	011100009101	Linh kiện điện tử	2	
176	2331530102	Đào	Chiến Thắng	23ĐHTĐ02	011100009103	Linh kiện điện tử	2	
177	2333520179	Dương	Nhật Tân	23ĐHKT03	011100014803	Cơ sở điều khiển tự động	3	
178	2255120045	Đặng	Thế Bảo	22ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
179	2255130046	Trương	Tứ Thiện Kim	22ĐHTĐ01	011100016401	Hệ thống SCADA	2	
180	2255130087	Lư	Chí Hải	22ĐHTĐ02	011100016401	Hệ thống SCADA	2	
181	2255130107	Nguyễn	Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
182	2255120045	Đặng	Thế Bảo	22ĐHĐT01	011100020002	Angten truyền sóng	3	
183	2255120045	Đặng	Thế Bảo	22ĐHĐT01	011100028001	Hệ thống dẫn đường toàn cầu (GNSS)	3	
184	2331710030	Nguyễn	Thành Doanh	23ĐHKL01	011100031401	Quy tắc bay	2	
185	2331540096	Phạm	Chí Bình	23ĐHTT02	011100051701	Toán cơ sở	3	
186	2331540128	Trần	Thị Minh Trang	23ĐHTT03	011100051703	Toán cơ sở	3	
187	2331510058	Lê	Duy Anh	23ĐHĐT01	011100051704	Toán cơ sở	3	
188	2331530075	Trần	Bùi Xuân Khanh	23ĐHTĐ02	011100051704	Toán cơ sở	3	
189	2331540348	Nguyễn	Quốc Huy	23ĐHTT06	011100051704	Toán cơ sở	3	
190	2331530079	Trần	Hữu Hải Nam	23ĐHTĐ02	011100051707	Toán cơ sở	3	
191	2331710030	Nguyễn	Thành Doanh	23ĐHKL01	011100052403	Lịch sử Đảng	2	
192	2331710097	Phạm	Thanh Trưởng	23ĐHKL02	011100052403	Lịch sử Đảng	2	
193	2255120045	Đặng	Thế Bảo	22ĐHĐT01	011100054401	Hệ thống giám sát phụ thuộc ADSB	3	
194	2331710030	Nguyễn	Thành Doanh	23ĐHKL01	011100054804	Tổng quan về HKDD	3	
195	2255200025	Lê	Tiến Đạt	22ĐHKT01	011100061903	Sức bền vật liệu	2	
196	2255200025	Lê	Tiến Đạt	22ĐHKT01	011100064103	Kỹ thuật nhiệt	3	
197	2255200025	Lê	Tiến Đạt	22ĐHKT01	011100071801	Điện - điện tử tàu bay	3	
198	2255120045	Đặng	Thế Bảo	22ĐHĐT01	011100073001	Hệ thống thông tin hàng không	3	
199	2255120045	Đặng	Thế Bảo	22ĐHĐT01	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
200	2331310353	Lê	Đỗ Hoàng Đông	23ĐHQ/TAN	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
201	2255130087	Lư	Chí Hải	22ĐHTĐ02	011100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
202	2255130107	Nguyễn	Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
203	2255130046	Trương	Tứ Thiện Kim	22ĐHTĐ01	011100088402	IOT(Internet Of Things)	2	
204	2255130087	Lư	Chí Hải	22ĐHTĐ02	011100088402	IOT(Internet Of Things)	2	
205	2255130046	Trương	Tứ Thiện Kim	22ĐHTĐ01	011100089102	Cảm biến	2	
206	2255130087	Lư	Chí Hải	22ĐHTĐ02	011100089102	Cảm biến	2	
207	2255130107	Nguyễn	Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100089103	Cảm biến	2	
208	2255130046	Trương	Tứ Thiện Kim	22ĐHTĐ01	011100089601	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
209	2255130087	Lư	Chí Hải	22ĐHTĐ02	011100089601	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
210	2255130107	Nguyễn	Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100090301	Hệ thống điều khiển số	3	
211	2255130107	Nguyễn	Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100090401	Mobile Robot	2	
212	2255130046	Trương	Tứ Thiện Kim	22ĐHTĐ01	011100103201	Thực hành PLC	2	
213	2255130087	Lư	Chí Hải	22ĐHTĐ02	011100103201	Thực hành PLC	2	
214	2255130107	Nguyễn	Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100103202	Thực hành PLC	2	
215	2255200025	Lê	Tiến Đạt	22ĐHKT01	011100105901	Cơ học bay 2	3	
216	2250000180	Nguyễn	Nhật Tân	22ĐHXD01	011100116101	Kết cấu bê tông cốt thép	2	
217	2255200025	Lê	Tiến Đạt	22ĐHKT01	011100117801	Yếu tố con người và An toàn	3	
218	2255200025	Lê	Tiến Đạt	22ĐHKT01	011100118001	Động cơ và lực đẩy	3	
219	2250000148	Võ	Thanh Huy	22ĐHXD01	011100128001	Quản lý dự án xây dựng	2	
220	2250000148	Võ	Thanh Huy	22ĐHXD01	011100129901	Thiết kế kết cấu nhà bê tông cốt thép	3	
221	2250000148	Võ	Thanh Huy	22ĐHXD01	011100130001	Thiết kế kết cấu nhà thép	3	
222	2255200025	Lê	Tiến Đạt	22ĐHKT01	011100132601	Thí nghiệm KTHK 2	2	
223	2250000148	Võ	Thanh Huy	22ĐHXD01	011100138701	Môi trường và an toàn lao động	2	
224	2331510025	Nguyễn	Xuân Trung Hiếu	23ĐHĐT01	011100140001	truyền số liệu và mạng máy tính	3	
225	2255130087	Lư	Chí Hải	22ĐHTĐ02	011100156402	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
226	2250000148	Võ	Thanh Huy	22ĐHXD01	011100170701	Kiến trúc công trình	2	
227	2250000148	Võ	Thanh Huy	22ĐHXD01	011100172801	Quản lý và Khai thác hạ tầng cảng hàng không	3	
228	2341810016	Huỳnh	Thị Mỹ Duyên	23CĐTM01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
229	2341830016	Nguyễn	Khoa Việt Hoàng	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
230	2341830015	Nguyễn	Thị Ánh Hồng	23CĐAN01	030100026201	Tuần tra và canh gác	3	
231	2111150105	Nguyễn	Quốc Phi	21CĐTM03	030100030301	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
232	2341810016	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	23CĐTM01	030100030301	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	
233	2111150105	Nguyễn Quốc	Phi	21CĐTM03	030100052101	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	
234	2111150144	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	21CĐTM03	030100052101	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	
235	2111150147	Bùi Huỳnh Minh	Minh	21CĐTM03	030100052101	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	
236	2341810016	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	23CĐTM01	030100052101	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	
237	2111150105	Nguyễn Quốc	Phi	21CĐTM03	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
238	2111150144	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	21CĐTM03	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
239	2341810016	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	23CĐTM01	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
240	2111150139	Huỳnh Thị Thảo	Nguyễn	21CĐTM03	030100059401	Tin học	3	
241	2111150144	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	21CĐTM03	030100069001	Hành lý bất thường	2	
242	2111150147	Bùi Huỳnh Minh	Minh	21CĐTM03	030100069001	Hành lý bất thường	2	
243	2341810016	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	23CĐTM01	030100069001	Hành lý bất thường	2	
244	2341810016	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	23CĐTM01	030100069101	Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	4	
245	2341810039	Nguyễn Ngọc	Anh	23CĐTM01	030100069101	Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	4	
246	2341840028	Nguyễn Thị Phương	Lan	23CĐCK01	030100102801	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1	3	
247	2111150139	Huỳnh Thị Thảo	Nguyễn	21CĐTM03	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
248	2111150139	Huỳnh Thị Thảo	Nguyễn	21CĐTM03	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
249	2341810016	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	23CĐTM01	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
250	2111150105	Nguyễn Quốc	Phi	21CĐTM03	030100146202	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
251	2321310002	Trần Anh	Đức	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
252	2321310004	Trần Thanh	Ngọc	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
253	2321310007	Hoàng Hồ Thủy	Tiên	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
254	2321310010	Nguyễn Thiện	An	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
255	2321310011	Lương Trần Phương	Dung	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
256	2321310012	Trần Hạ Vân	An	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
257	2321310013	Tô Đức	Tĩnh	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
258	2321310014	Trương Nguyễn Ngọc	Phú	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
259	2321310015	Vũ Thị	Huyền	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
260	2321310017	Phạm Lê Thủy	Trúc	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
261	2321310018	Phạm Duy	Nam	23CHQT01	060100056702	Quản trị chất lượng nâng cao	3	
262	2321310002	Trần Anh	Đức	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
263	2321310004	Trần Thanh	Ngọc	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
264	2321310007	Hoàng Hồ Thủy	Tiên	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
265	2321310010	Nguyễn Thiện	An	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
266	2321310011	Lương Trần Phương	Dung	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
267	2321310012	Trần Hạ Vân	An	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
268	2321310013	Tô Đức	Tĩnh	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
269	2321310014	Trương Nguyễn Ngọc	Phú	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
270	2321310015	Vũ Thị	Huyền	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
271	2321310016	Hà Văn	Thủy	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
272	2321310017	Phạm Lê Thủy	Trúc	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
273	2321310018	Phạm Duy	Nam	23CHQT01	060100057802	Quản trị Marketing nâng cao	3	
274	2321310002	Trần Anh	Đức	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
275	2321310004	Trần Thanh	Ngọc	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
276	2321310007	Hoàng Hồ Thủy	Tiên	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
277	2321310010	Nguyễn Thiện	An	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
278	2321310011	Lương Trần Phương	Dung	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
279	2321310012	Trần Hạ Vân	An	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
280	2321310013	Tô Đức	Tĩnh	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
281	2321310014	Trương Nguyễn Ngọc	Phú	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
282	2321310015	Vũ Thị	Huyền	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
283	2321310016	Hà Văn	Thủy	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
284	2321310017	Phạm Lê Thủy	Trúc	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
285	2321310018	Phạm Duy	Nam	23CHQT01	060100144302	Phân tích dữ liệu định lượng	3	
286	2321310002	Trần Anh	Đức	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
287	2321310004	Trần Thanh	Ngọc	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
288	2321310007	Hoàng Hồ Thủy	Tiên	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
289	2321310008	Phùng Minh	Trí	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
290	2321310010	Nguyễn Thiện	An	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
291	2321310011	Lương Trần Phương	Dung	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
292	2321310012	Trần Hạ Vân	An	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
293	2321310013	Tô Đức	Tĩnh	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
294	2321310014	Trương Nguyễn Ngọc	Phú	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
295	2321310015	Vũ Thị	Huyền	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
296	2321310016	Hà Văn	Thủy	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
297	2321310017	Phạm Lê Thủy	Trúc	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	
298	2321310018	Phạm Duy	Nam	23CHQT01	060100188702	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng nâng cao	3	

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Thiện Lưu